TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG.**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/12/2024.
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thu H□ơng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Bích Nga.**
2. Ông **Vũ An Quản.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hà**- Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân thành phố Hải D- ơng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải D- ơng tham gia phiên toà: Bà **Đỗ Vân Anh**- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải D- ơng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 638/2024/TLST- HN&GĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc " Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

- **Nguyên đơn**: Bà **Hồ Thị L**, sinh năm 1974.

ĐKHTTT và cư trú: Số 55 PNT, khu 2, phường TK, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- **Bị đơn**: Ông **Hồ Văn B**, sinh năm 1969.

ĐKHKTT và cư trú: Thôn TH, xã GX, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(Bà L có mặt, ông B vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Nguyên đơn bà Hồ Thị L trình bày được thể hiện tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa:

Bà và ông Hồ Văn B tự nguyện tìm hiểu thời gian khoảng 06 tháng thì hai bên gia đình có tổ chức cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã GX, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là xã GX, thành phố Hải

Dương) ngày 23/3/1992. Sau khi kết hôn bà về sống chung cùng bố mẹ đẻ ông B được 03 tháng thì bố mẹ chồng cho vợ chồng ra ăn riêng, ở riêng nhà đất của vợ chồng tự mua cho đến nay ông B vẫn sống ở thôn TH, xã GX, thành phố Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, ông B hay uống rượu say về nhà chửi bới vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không khắc phục được. Do mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng đã sống ly thân mỗi người ở một nơi và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 5/2013 cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến tình cảm của nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể sống chung cùng nhau. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Hồ Văn B.

Về con chung: Bà và ông Hồ Văn B có 03 con chung là Hồ Thị Yn, sinh ngày 05/3/1993, Hồ GB, sinh ngày 18/01/2007 và Hồ Thị Hải Lh, sinh ngày 21/11/2012. Hiện nay con Yn đã trưởng thành bà không đề nghị Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn bà có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung GB và con Hải Lh, các con có đơn ở cùng bà thời gian từ lâu, bà tự nguyện không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi hai con chung GB, Lh hàng tháng cùng bà.

Về thu nhập của bà: Bà làm nghề kinh doanh tự do, thu nhập của bà 20.000.000đ/tháng cũng đủ đảm bảo cuộc sống cho bà và các con.

Về nơi ở của bà: Hiện bà đang chăm sóc nuôi dưỡng cháu GB, cháu Lh. Ba mẹ con bà có nơi ở ổn định tại địa chỉ số 55 PNT, phường TK, thành phố Hải Dương. Các con ở cùng bà thời gian đã lâu đã ổn định mọi mặt về sức khỏe, tinh thần học tập của các con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhà đất bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung ai tài sản gì và ngược lại không ai nợ vợ chồng.

- Về công sức: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Hồ Văn B vắng mặt nhưng Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và hỗ trợ bà L giao đơn xin ly hôn (tài liệu kèm theo đơn xin ly hôn), Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, niêm yết kết quả tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập nhưng ông B không có mặt nhưng được thể hiện tại biên bản lấy lời khai của ông B: Ông và bà L tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã GX, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là xã GX, thành phố Hải Dương) ngày 23/3/1992. Vợ chồng hòa thuận gần 30 năm phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn không tìm được tiếng chung, bà L xin ly hôn ông đồng ý ly hôn bà L nếu bà L làm thủ tục cho một mình ông đứng tên nhà đất tại thôn TH, xã GX nhưng ông không đến Tòa giải quyết. Nếu bà L không làm thủ tục cho ông đứng tên một mình nhà

đất trên ông không đồng ý ly hôn. Vợ chồng sống ly thân đã lâu. Ông không có biện pháp tìm gặp bà L về đoàn tụ. Bà L xin ly hôn ông, ông đề nghị Tòa án giải quyết một phía yêu cầu của bà L.

Về con chung: Ông và bà Hồ Thị L có 03 con chung là Hồ Thị Yn, sinh ngày 05/3/1993, Hồ GB, sinh ngày 18/01/2007 và Hồ Thị Hải Lh, sinh ngày 21/11/2012. Hiện nay con Yn đã trưởng thành ông không đề nghị Tòa án giải quyết. Do ông không đồng ý ly hôn nên về con chung ông không có ý kiến.

Ông không làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung nhà đất, nộp tạm ứng án phí chia tài sản. Không có yêu cầu phản tố.

*Tòa án xác minh tại địa phương nơi ông B và bà L cư trú từ khi kết hôn đến năm 2013 thể hiện: Ông B, bà L là người sinh sống tại thôn TH, xã GX. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã GX huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là xã GX, thành phố Hải Dương) năm 1992. Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn mỗi người sống một nơi ly thân thời gian dài từ năm 2013 cho đến nay. Bà L và 03 con sinh sống tại phường TK, thành phố Hải Dương. Ông B hiện sống một mình tại Thôn TH, xã GX. Ông bà mâu thuẫn không báo và nhờ chính quyền địa phương hòa giải vì hiện nay bà L không sống tại thôn TH, xã GX. Nay bà L làm đơn xin ly hôn ông B. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ đơn khởi kiện của bà L để xem xét và giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

* Tòa án xác minh tại địa phương nơi bà L cư trú từ năm 2013 cho đến nay tại số 55 PNT, phường TK, thành phố Hải Dương thể hiện: Bà L và 3 con có đăng ký hộ khẩu tại phường TK, bà L sinh sống từ năm 2013 cho đến nay địa phương không thấy ông B sống cùng bà L. Hiện ông B sinh sống tại thôn TH, xã GX, TP Hải Dương. Địa phương không nắm bắt được việc mâu thuẫn vợ chồng, bà L không đề nghị địa phương hòa giải vì ông B không sinh sống tại phường TK. Bà L xin ly hôn ông B đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

*Tòa án lấy lời khai của bà Phạm Thị H là mẹ đẻ bà L thể hiện:

Chị Hồ Thị L và anh Hồ Văn B tự nguyện tìm hiểu hai bên gia đình có tổ chức cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã GX, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là xã GX, thành phố Hải Dương) vào tháng 3/1992. Sau khi kết hôn chị L về sống chung cùng bố mẹ đẻ anh B được khoảng 03 tháng thì bố mẹ chồng cho vợ chồng ra ăn riêng, ở riêng nhà đất của vợ chồng cho đến nay anh B vẫn sống ở thôn TH, xã GX, thành phố Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bà không sống chung cùng anh chị nhưng được biết do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, anh B có đánh chị L. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không khắc phục được. Do mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng đã sống ly thân mỗi người ở một nơi anh Bường ở tại nhà đất của vợ chồng tại thôn TH, xã GX còn chị L và các con sinh sống tại TK và chấm dứt quan hệ tình cảm từ

tháng 5/2013 cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân anh B không tìm đón chị L về đoàn tụ. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng anh B, chị L đã có mâu thuẫn. Chị L làm đơn xin ly hôn anh B về tình cảm do anh chị quyết định. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Ông Hồ Văn B vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy Tòa án xét xử vắng mặt ông B.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải D□ơng phát biểu ý kiến:** Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX), Th- ký phiên tòa, ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm HĐXX nghị án, đã thực hiện đúng trình tự quy định của Luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quy định BLTTDS vắng mặt gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: □p dụng Điều 51; Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS); Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lĩnh, xử cho bà Hồ Thị L được ly hôn ông Hồ Văn B.

- Về con chung: Bà L, ông B có 03 con chung là Hồ Thị Yn, sinh ngày 05/3/1993, Hồ GB, sinh ngày 18/01/2007 và Hồ Thị Hải Lh, sinh ngày 21/11/2012. Hiện nay con Yn đã trưởng không giải quyết. Giao cho bà Lĩnh nuôi dưỡng con Hồ GB, sinh ngày 18/01/2007 và Hồ Thị Hải Lh, sinh ngày 21/11/2012. Chấp nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng bà L.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không giải quyết.

Về án phí: Bà Hồ Thị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Hồ Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Bường theo điểm b khoản 2 Điều 227BLTTDS.

[2] Bà Hồ Thị L xin ly hôn ông Hồ Văn B. Ông B có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn TH, xã GX, thành phố Hải Dương. Do vậy thẩm quyền giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

[3] Bà Hồ Thị L và ông Hồ Văn B tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã GX, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là xã GX, thành phố Hải

Dương) vào ngày 23/3/1992 là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày kết hôn bà L về sống chung cùng gia đình bố mẹ ông B thời gian ngắn. Sau đó vợ chồng ra ăn riêng, ở riêng nhà đất do vợ chồng mua tại thôn TH, xã GX. Vợ chồng hòa thuận thời gian khoảng 15 năm phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 5/2013 cho đến nay không ai quan tâm đến tình cảm của nhau. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông B.

Ông Bường trình bày: Vợ chồng có thời gian hòa thuận. Vợ chồng đã có mâu thuẫn nhỏ. Anh không đồng ý lý hôn nhưng không có biện pháp để vợ chồng về đoàn tụ.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi ông B, bà L cư trú và nơi bà L cư trú từ năm 2013 cho đến nay và ý kiến của gia đình mẹ đẻ bà L, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nhận thấy: Bà L và ông B đã sống ly thân từ tháng 5/2013 cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế không ai quan tâm đến tình cảm của nhau. Ông B vắng mặt không có mặt khi Tòa án triệu tập là gây khó khăn cho giải quyết vụ án và không có biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Do vậy HĐXX xét thấy bà L, ông B tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt đ- ợc nên HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của bà L và HĐXX xử cho bà Lĩnh được ly hôn ông B theo Điều 51; Điều 56; 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung*:* Bà L và ông B có 03 con chung Hồ Thị Yn, sinh ngày 05/3/1993, Hồ GB, sinh ngày 18/01/2007 và Hồ Thị Hải Lh, sinh ngày 21/11/2012. Hiện nay con Yn đã trưởng không giải quyết. HĐXX xét thấy cháu Hải Lh, cháu GB hiện do bà L chăm sóc nuôi dưỡng các cháu ở ổn định về tinh thần, sức khỏe với bà L thời gian đã lâu. Các cháu có đơn xin ở với bà L. Bản thân bà L và các con hiện có nơi ở ổn định, có thu nhập từ kinh doanh khoảng 20.000.000đ/tháng. Nên Giao cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng con Hồ GB, sinh ngày 18/01/2007 và Hồ Thị Hải Lh, sinh ngày 21/11/2012 đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi các con chung hàng tháng cho bà L.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Bà L, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ đối trừ tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; 56; 58; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia Đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử chấp nhận đơn khởi kiện của Bà Hồ Thị L xin ly hôn ông Hồ Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Hồ Thị L được ly hôn ông Hồ Văn B.

2. Về con chung xử: Giao giao cho bà Hồ Thị L tiếp tục nuôi dưỡng con Hồ GB, sinh ngày 18/01/2007 và Hồ Thị Hải Lh, sinh ngày 21/11/2012 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi các con chung hàng tháng cho bà L.

Ông Hồ Văn B có quyền đi lại chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Bà L, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hồ Thị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ 300.000đ vào khoản tiền 300.000đ do bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000806 ngày 25/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương; bà Hồ Thị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Hồ Thị L đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông B vắng mặt đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án hoặc bản án đ- ợc niêm yết.

Nơi nhận:
- VKS TPHải D- ơng;
- Các đ- ơng sự;
- UBND xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Hải D- ơng;
- L- u hồ sơ.
-Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu H□ơng